TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ QUỐC** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: **08/5/2018**
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Trang

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Công Chủ

2. Ông Nguyễn Phước Lộc - Giám đốc Trung tâm Dân số & Kế hoạch hóa gia đình huyện Phú Quốc.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Lê VănChung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10/01/2018 về việc:*"Xin ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hương Minh Đ, sinh năm 1953. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Danh Thị T, sinh năm 1973. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp K, xã C, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện cùng bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn ông Hương Minh Đ trình bày:* Năm 2008, tôi và bà Danh Thị T tự nguyện tìm hiểu chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống dẫn đến tình cảm không còn. Vì thương con chúng tôi cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng hơn. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể sống chung với nhau được nữa, nếu có kéo dài thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Danh Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 01 người con chung tên Hương Thuận T, sinh ngày 18/6/2012. Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành mà không cần sự cấp dưỡng nuôi con chung của bà T.

Về tài sản chung: Tôi và bà T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng tôi tự nguyện hỗ trợ cho bà T số tiền 300.000.000đồng, tôi đã chuyển khoản 200.000.000đồng, còn lại 100.000.000đồng tôi sẽ chuyển cho bà T khi Tòa tuyên án.

Về công nợ chung: Tôi xác nhận vợ chồng không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Danh Thị T trình bày:** Về hôn nhân, con chung, tài sản chung, công nợ chung ông Đ trình bày là đúng. Với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì tôi có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Tôi không đồng ý giao con chung Hương Thuận T cho ông Đ nuôi dưỡng vì ông Đ thường xuyên đánh đập con tôi. Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T cho đến khi trưởng thành và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi cháu T trưởng thành.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 28, 35 BLTTDS như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục do BLTTDS quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố ông Hương Minh Đ và bà Danh Thị T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Hương Thuận T cho ông Hương Minh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Đ không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Đ và bà T cho rằng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét nên đề nghị miễn xét. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của ông Đ cho bà T tại phiên tòa số tiền 100.000.000đồng.

Về công nợ chung: Do các đương sự đều xác nhận không có đề nghị miễn xét.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

Năm 2008, ông Hương Minh Đ và bà Danh Thị T tự nguyện tìm hiểu chung sống với nhau như vợ chồng như không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn vì tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù, ông Đ, bà T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên ông Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T.

Tại phiên tòa, ông Đ khẳng định tình cảm vợ chồng giữa ông với bà T thật sự đã hết, nếu có kéo dài thì cũng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Danh Thị T khai nhận đúng như lời trình bày của ông Đ và thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do ông Đ và bà T không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có cơ sở để giải quyết cho ly hôn mà cần tuyên bố mối quan hệ giữa ông Đ và bà T không phải là vợ chồng như lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Về con chung: Ông Đ và bà T không tự thỏa thuận được và đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Hương Thuận T đến tuổi trưởng thành. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi*

trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con ...”. Hiện tại con chung Hương Thuận T chưa đủ 07 tuổi nên không thể lấy lời khai của cháu do đó việc quyết định giao con chung cho ai cần phải xem xét đến điều kiện hiện tại của mỗi bên để khi giao, con chung được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt. Tại phiên tòa ông Đ cho rằng bản thân bà T không có tài sản, không có việc làm nên không có thu nhập ổn định, mọi chi tiêu thường ngày nhờ vào trợ cấp của ông, còn ông có tài sản, có nhà ở ổn định và tiền lương hưu hàng tháng trên 15.000.000đồng. Vấn đề này ông Đ đã cung cấp chứng cứ chứng minh (bút lục 46-60) và được bà T thừa nhận là đúng.

Tại “Tờ cam kết” ngày 15/10/2013 (bút lục 04-05), ngoài chữ ký “T” thì bà T còn tự viết dòng chữ “đã đọc và hiểu” nên bà T không thể cho rằng không biết chữ hay bị ông Đ ép buộc phải ký tên. Tại văn bản này thể hiện việc bà T đánh bài gây nợ nần, nhiều lần bỏ nhà đi và được ông Đ đứng ra trả nợ thay. Tất cả các vấn đề này đã được kiểm chứng qua biên bản xác minh ngày 11/4/2018 tại ban nhân dân ấp K, xã C (bút lục 66) nên lời trình bày của ông Đ là có căn cứ.

Như vậy, mặc dù cháu T là bé gái nhưng xét về khả năng kinh tế cũng như trình độ và nhân cách sống thì ông Đ có đủ các yếu tố này. Hiện tại ông Đ cũng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, thương yêu và lo lắng đầy đủ cho cháu T. Đồng thời, Hội phụ nữ xã C cũng đề nghị Tòa án xem xét giao cháu T cho ông Đ nuôi dưỡng (bút lục 67-68). Như vậy, để đảm bảo cho con chung được nuôi dạy tốt, được đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, thống nhất giao cháu Hương Thuận T cho ông Hương Minh Đ chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thảo trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông Hương Minh Đ không có yêu cầu nên miễn xét.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, ông Đ và bà T xác nhận đã tự thỏa thuận xong, nay ông Đ hỗ trợ cho bà T số tiền 100.000.000đồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án. Còn bà T cũng đồng ý nhận số tiền này và cho rằng không tranh chấp tài sản với ông Đ về sau. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về công nợ chung: Do ông Đ và bà T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Hương Minh Đ và bà Danh Thị T là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao con chung Hương Thuận T - sinh ngày 18/6/2012 cho ông Hương Minh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành (18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Ông Đ và các thành viên trong gia đình ông Đ không được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung của bà Danh Thị T.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông Đ không có yêu cầu nên miễn xét.

4. Về tài sản chung và công nợ chung:

- Về tài sản chung: Do ông Đ và bà T xác nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ hỗ trợ cho bà T số tiền 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

- Về công nợ chung: Do ông Đ và bà T đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên cũng miễn xét.

5. Về án phí: Ông Hương Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, ông Đ đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006491, ngày 22/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang nay chuyển thành án phí. Như vậy, ông Đ đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Phú Quốc;
- THA huyện Phú Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trang